

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thọ

2. Ông Hoàng Ngọc Sông

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST - HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2020/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. LÊ VĂN TH; sinh ngày 30 tháng 3 năm 1976, tại tỉnh T - Huế; đăng ký HKTT: Số 15 Trần Quốc T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ 8, phường Quang T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Đoàn Thị C; vợ: Trương Thị Mỹ H; con: có ba con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2019 đến ngày 27/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng việc áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. PHÀN MÍ T; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1991, tại tỉnh Hà Giang; đăng ký HKTT: Thôn Xà V, xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi cư trú: Thôn Xà V, xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Văn L và bà Tần Thị L; vợ: Giàng Thị D; con: có hai con, con lớn nhất 8 tuổi, con nhỏ nhất 6 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2019 đến ngày 27/11/2019 được thay đổi biện

pháp ngăn chặn bằng việc áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Mí T: Bà Nguyễn Thị Hiền; Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Ngõ 30, tổ 8, phường Quang T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Ông Phan Văn X; địa chỉ: Thôn Xà V, xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Ông Phan Văn L; địa chỉ: Thôn Xà V, xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người phiên dịch cho ông Phan Văn L: Bà Đặng Thị Hải; dân tộc: Dao; địa chỉ: Tổ 01, phường Nguyễn T, TP H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11/2019, bị cáo Lê Văn Th gọi điện cho bị cáo Phan Mí T nhờ mua pháo hộ Th, mục đích về để sử dụng vào dịp tết nguyên đán. Đến ngày 12/11/2019 bị cáo T đã đi đến đến khu vực gần chợ xã T mua 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*) pháo nổ của một người đàn ông không quen biết với giá 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 05 giờ ngày 13/11/2019 bị cáo T cho số pháo lên xe ô tô (*Tàng mượn của ông Phan Văn X*) chở xuống thành phố H cho Th. Khi gặp Th, Tàng giao số pháo cho Th và nói với Th tổng số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó T tính cước vận chuyển là 1.100.000đ. Th trả cho T 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), T đi về huyện Y, số tiền còn lại Th chưa trả cho T. Đến hồi 15 giờ 30 phút ngày 17/11/2019, bị cáo Th đã thuê ông Nguyễn Văn Đ (lái xe taxi) chở 03 (*Ba*) hộp xốp, bên trong chứa 16 (*Mười sáu*) hộp hình vuông, có tổng khối lượng 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*) pháo nổ, ra bến xe mục đích mang về nhà tại thành phố B để sử dụng thì bị phát hiện và bắt quả tang.

Tại phiên tòa bị cáo Th khai: Đầu tháng 11/2019, bị cáo đã gọi điện thoại cho vợ là Trương Thị Mỹ H (*trú tại: Số 15, Trần Quốc T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*), trong khi nói chuyện chị H nói với bị cáo xem ở Hà Giang có cam hay táo thì mua một ít rồi gửi về, bị cáo đồng ý và nói “*Để mấy hôm nữa gửi về*”. Mấy ngày sau bị cáo sử dụng số thuê bao 0949.273.949 gọi điện thoại đến số thuê bao 0981.123.216 lưu trong danh bạ điện thoại là “*Xe Tan Yminh*” của bị cáo T (*là người đến sửa xe ô tô tại xưởng của Thạch*) để nhờ T mua pháo; T có nói “*Không*

mua được đâu, để em xem đã”; Bị cáo nói tiếp “*Nếu có mua hộ anh khoảng hai triệu loại pháo hoa nhé*” T đồng ý. Đến sáng ngày 13/11/2019, T điều khiển xe ô tô đến xưởng sửa chữa ô tô Huy Th tại tổ 8 phường Quang T, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo ở. T đưa cho bị cáo một bao tải và nói “*Bên trong là pháo hoa*”; bị cáo có hỏi bao nhiêu tiền thì T trả lời “*Hết 3.600.000 đồng*” (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Bị cáo đã không mở bao tải ra kiểm tra và lấy 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) trong ví đưa cho T và nói “*Anh đưa trước một triệu thừa thiếu như thế nào thì tính sau*”, T đồng ý và nhận số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Bị cáo mang chiếc bao tải vào trong kho để đồ của xưởng cắt, chiều ngày 16/01/2019 bị cáo đến chợ thành phố Hà Giang mua 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) quả táo ăn và 03 (*Ba*) thùng xốp màu trắng mang về xưởng. Đến trưa ngày 17/11/2019, bị cáo mang táo, thùng xốp và số pháo mua được xuống gian bếp của xưởng để đóng hộp dán kín phía ngoài và lấy 03 (*Ba*) mảnh giấy ghi nội dung “*người gửi 0949273979; người nhận 0914 204 494 cây xăng nhà nước huyện Cự Dút*” dán lên phía trên mỗi thùng xốp. Khoảng 15 giờ cùng ngày bị cáo gọi điện cho ông Nguyễn Văn Đ (lái xe taxi) đến xưởng chở cho bị cáo ba thùng xốp bên trong có chứa pháo đến nhà xe Anh Đồng tại thôn C, xã Phương T, thành phố H để gửi (*bị cáo không nói cho ông Đình biết số hàng bị cáo thuê chở là pháo*). Sau khi ông Đ chở hàng đi được một lúc thì thấy ông Đ gọi lại là nhà xe không nhận, bị cáo có bảo ông Đ chở hàng về trả cho bị cáo. Sau đó bị cáo bị cơ quan Công an bắt quả tang và thu giữ số pháo trên.

Bị cáo T khai: Vào đầu tháng 11/2019 Th có gọi điện nhờ bị cáo mua hộ pháo để sử dụng, bị cáo không biết chỗ mua nhưng vẫn đồng ý. Ngày 12/11/2019, bị cáo đi xe mô tô nhãn hiệu DREAM, biển kiểm soát 23H9 - 1374 (*là xe của ông Phan Văn L là bố đẻ của bị cáo*) mục đích đi đến chợ phiên xã Thắng M để mua đồ dùng sinh hoạt. Trên đường đi cách chợ khoảng 01 km bị cáo gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi, (*chưa xác định được tên tuổi địa chỉ*) đứng ở ven đường, bên cạnh có một bao tải dừa màu xanh. Thấy vậy, bị cáo dừng xe hỏi “*Bán gì đấy*”, người đàn ông nói “*Có mua pháo không*”; lúc này bị cáo nhớ đến việc Th gọi điện nhờ mua pháo, nên bị cáo đáp “*Có*”; người đàn ông hỏi “*Mua nhiều không, mua loại gì*”; bị cáo trả lời “*Mua khoảng 2.000.000 đồng pháo hoa*”; người đàn ông này bảo bị cáo đứng đợi rồi điều khiển xe mô tô (*không xác định được loại xe và biển kiểm soát*) đi về hướng chợ thuộc xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Bị cáo đứng đợi khoảng 15 phút thì người đàn ông quay lại mang theo một bao tải dừa màu xanh, bên trong có đựng một thùng bìa cattong đặt xuống đường gần chỗ bị cáo đứng và nói “*Bên trong là pháo hoa*”; bị cáo không mở ra kiểm tra và hỏi “*bao nhiêu tiền*”, người đàn ông trả lời “*2.500.000đ*” (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo đồng ý mua và lấy 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) trong túi quần ra đưa cho người đàn ông. Nhận tiền xong người này điều khiển xe đi về hướng chợ, bị cáo chở bao tải pháo về nhà. Đến nhà cáo gọi điện thoại cho

Th để nói đã mua được pháo và sáng ngày mai mang xuống cho Th. Sau đó, bị cáo đến mượn xe ô tô nhãn hiệu Trường Giang, loại xe tải chở hàng, biển kiểm soát 23C - 047.88 của ông Phan Văn X (*là chú họ của bị cáo*) với mục đích đi về thành phố H chở vật liệu xây dựng. Mượn được xe bị cáo điều khiển xe về nhà, cho bao tải bên trong chứa pháo lên thùng xe và điều khiển xe đi thành phố Hà Giang. Đến thành phố H khoảng 05 giờ sáng ngày 13/11/2019, bị cáo điều khiển xe đến xưởng sửa chữa ô tô Huy Th tại tổ 8 phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang đưa pháo cho Th. Bị cáo đưa bao tải pháo cho Th và nói “*Bên trong là pháo hoa*”; Th hỏi “*Bao nhiêu tiền*”; bị cáo đáp “*Hết 3.600.000 đồng*” (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó bị cáo tính cả tiền cước phí chở pháo từ xã Thắng M về. Th mới trả cho bị cáo 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và nói “*Anh đưa trước một triệu thừa thiếu như thế nào thì tính sau*”. Bị cáo đồng ý và nhận số tiền 1.000.000 đồng của Th rồi điều khiển xe ô tô đi chở vật liệu và về huyện Y, tỉnh Hà Giang. Số tiền còn lại Th cũng chưa trả cho bị cáo.

Tại Biên bản mở niêm phong, cân tịnh khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong ngày 17/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H cân tịnh tổng khối lượng pháo các bị cáo vận chuyển là 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*). Theo bản Kết luận giám định số: 376/KL-PC09 ngày 22/11/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*Có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ*).

Tại bản Kết luận giám định số: 25/KL-PC09 ngày 14/01/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết đứng tên Lê Văn Th trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Công văn số 02 ngày 08/01/2020 của Chi nhánh Viettel Hà Giang trả lời yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang, ghi nhận thông tin: số điện thoại 0981.123.216 là của Phan Mí T (*Sinh ngày: 10/8/1991*), địa chỉ thuê bao: thôn Xà V, xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Bị can Phan Mí T thừa nhận sử dụng số thuê bao này liên lạc với Lê Văn Th.

Công văn số 24 ngày 09/01/2020 của Trung tâm kinh doanh VNPT Hà Giang trả lời yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, ghi nhận thông tin: số điện thoại 0914.209.494 là của Trương Thị Mỹ H (*Sinh ngày: 28/2/1983*), địa chỉ thuê bao: Số 15, Trần Quốc T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; số điện thoại 0949.273.979 là của Lê Văn Th.

Vật chứng vụ án thu được:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng, gồm:

- 01 (*Một*) ô tô nhãn hiệu Hyundai Gate, biển kiểm soát 23T - 3509. Đã trả cho ông Nguyễn Văn Đ.

- 20 Kg (*Hai mươi kilôgam*) quả táo, đã trả cho Lê Văn Th.
 - 01 (*Một*) chứng minh nhân dân mang tên Phan Mí T, đã trả cho Phan Mí T.
 - 16 (*Mười sáu*) hộp hình vuông có kích thước như nhau 14,5 x 14,5 x 15 cm; xung quanh có quần giấy màu đỏ, nhiều hoa văn.
 - 03 (*Ba*) thùng xốp màu trắng, đã qua sử dụng; 03 (*Ba*) mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, trên bề mặt có nhiều chữ và số, đã qua sử dụng.
 - 01 (*Một*) hộp bìa cát tông có kích thước như nhau 51 x 51 x 41cm, bên ngoài có màu đen và chữ màu trắng, bên trong có các hộp pháo, niêm phong theo quy định pháp luật.
 - 01 (*Một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của Phan Mí Tàng, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong.
 - 01 (*Một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG của Lê Văn Thạch, vỏ màu vàng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong.
 - 05 (*Năm*) tờ giấy dòng kẻ ngang, một mặt nhiều chữ viết và số, đã qua sử dụng (*là các mẫu so sánh chữ viết của Lê Văn TH*).
 - 01 (*Một*) xe ô tô nhãn hiệu Trường Giang, màu sơn xanh, biển kiểm soát 23C - 047.88, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong. Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ-CQĐT ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, đã trao trả cho ông Phan Văn X.
- Số vật chứng Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang quản lý theo quy định của pháp luật gồm:
- 01 (*một*) hộp bìa cattong có kích thước 51 x 51 x 41 cm, bên trong có các hộp pháo, ký hiệu A, niêm phong theo quy định của pháp luật.
 - 03 (*Ba*) thùng xốp màu trắng, đã qua sử dụng.
 - 03 (*Ba*) mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, trên bề mặt có nhiều chữ và số, đã qua sử dụng.
 - 05 (*Năm*) tờ giấy dòng kẻ ngang, một mặt nhiều chữ viết và số, đã qua sử dụng (*là các mẫu so sánh chữ viết của Lê Văn Th*).
 - 01 (*Một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của Phan Mí T, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong.
 - 01 (*Một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG của Lê Văn Th, vỏ màu vàng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong.

Bản cáo trạng số 16/CT- VKTPHG ngày 16/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Lê Văn Th về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Mí T về

tội " Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn Th về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Thay đổi tội danh đối với bị cáo Phàn Mí T, truy tố bị cáo Phàn Mí T về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Lý do của việc thay đổi tội danh là do tại phiên tòa qua phần xét hỏi đã làm rõ được hành vi vận chuyển pháo của bị cáo T. Số tiền bị cáo T báo tăng hơn giá trị thực tế khi mua pháo là 1.100.000đ và thực tế bị cáo đã nhận của bị cáo Th 1000.000đ là tiền bị cáo T tính cước phí vận chuyển, nên được xác định không phải lợi nhuận mà bị cáo T được hưởng từ hành mua pháo hộ bị cáo Th. Do đó, không thỏa mãn dấu hiệu của tội Mua bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190- BLHS. Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo T xác định bị cáo là đồng phạm với cáo Th trong việc vận chuyển hàng cấm do được tiếp thu ý chí từ bị cáo Th (nhờ mua pháo hộ). Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H căn cứ vào Điều 319 - Bộ luật tố tụng hình sự kết luận thay đổi tội danh đối với bị cáo T về tội nhẹ hơn tại phiên tòa.

Đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn Th và Phàn Mí T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Hình phạt:

- + Áp dụng khoản 1 Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng đến 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phàn Mí T từ 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng 40 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo
- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

* Ý kiến của người bào chữa:

Về tội danh: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang đã kết luận tại phiên tòa hôm nay đối với bị cáo T. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự xã hội và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo T là đồng phạm với bị cáo Th và đã phạm vào tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 - BLHS là đúng với quy định của pháp luật.

Việc áp dụng pháp luật: Nhất trí với việc áp dụng của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP H, căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 191, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65- BLHS, đề nghị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51- BLHS trong trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn.

Về mức hình phạt: Phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo từ 15 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 40 tháng là nghiêm khắc, chưa cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Bởi lẽ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã rất ăn năn hối cải, tự nguyện khai báo trung thực, tích cực khắc phục hậu quả nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, chưa nhận thức được đầy đủ về mức độ nguy hiểm hành vi của mình gây ra và thực hiện việc phạm tội với vai trò đồng phạm.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX tuyên bị cáo như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 - BLHS

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 NQ 326 của Quốc Hội đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo T không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên:

- Về tội danh: Không có ý kiến tranh luận do người bào chữa có cùng quan điểm với Viện Kiểm sát.

- Về áp dụng điều luật: Đại diện Viện Kiểm sát không nhất trí với đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51- BLHS. Vì việc bị cáo T vận chuyển số pháo có khối

lượng là 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*) do đó không thể coi là gây hậu không lớn, nên không đồng ý với ý kiến của người bào chữa.

- Về hình phạt: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên mức phạt đã đề nghị.

Người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xét xử về tội danh trên là đúng, hứa sẽ cải tạo tốt và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là thỏa đáng. các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Th và Phàn Mí T, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như sau: Đầu tháng 11/2019, bị cáo Lê Văn Th gọi điện cho bị cáo Phàn Mí T nhờ mua hộ pháo cho Th, mục đích về sử dụng. Đến ngày 12/11/2019 bị cáo T đã đi đến đến khu vực gần chợ xã Thắng M mua 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*) pháo của một người đàn ông không quen biết với giá 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 05 giờ ngày 13/11/2019 bị cáo T cho số pháo lên xe tô (xe ô tô T mượn của ông Phàn Văn X) chở số pháo trên về thành phố H giao cho Th. Th hỏi hết bao nhiêu tiền, T trả lời là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó T có tính tiền cước phí vận chuyển 1.100.000. Th nhận pháo và trả cho T 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), số tiền còn lại Th chưa trả T. Đến hồi 15 giờ 30 phút ngày 17/11/2019, bị cáo Th đã thuê ông Nguyễn Văn Đ (lái xe taxi) chở 03 (*Ba*) hộp xốp, bên trong chứa 16 (*Mười sáu*) hộp hình vuông, có tổng khối lượng 21,2 kg (*Hai mươi một phẩy hai kilôgam*) pháo nổ, ra bến xe khách H, mục đích mang về nhà tại thành phố B để sử dụng thì bị phát hiện và bắt quả tang. Theo Biên bản mở niêm phong, cân tịnh khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong ngày 17/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố

H cân tịnh tổng khối lượng pháo các bị cáo vận chuyển là 21,2 kg (*Hai mươi mốt phẩy hai kilôgam*). Tại bản Kết luận giám định số: 376/KL-PC09 ngày 22/11/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*Có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ*). Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Văn Th và Phan Mí T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” tội phạm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa thay đổi tội danh đối với bị cáo Phan Mí T và kết luận bị cáo T phạm tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm c khoản 1 Điều 191-BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Th về tội danh Vận chuyển hàng cấm theo điểm c khoản 1 Điều 191-BLHS là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các mặt hàng cấm, các bị cáo đều nhận thức rõ việc Nhà nước đã cấm mọi hành vi sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ hoặc pháo hoa gây nổ. Cả hai bị cáo đều ý thức được hành vi vận chuyển pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, làm gia tăng tình hình tội phạm chung.

Trong vụ án này bị cáo Th là người khởi xướng gọi điện thoại nhờ bị cáo T mua pháo hộ, bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm vận chuyển pháo từ huyện Y xuống thành phố H giao cho bị cáo Th. Do vậy, các bị cáo đều phải cùng chịu trách nhiệm về hậu quả của tội phạm gây ra. Tuy nhiên cần buộc bị cáo Th phải chịu mức án cáo hơn bị cáo T do bị cáo là người khởi xướng việc phạm tội. Cần phải xét xử áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo, răn đe các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Th có 02 tình tiết giảm nhẹ là tình tiết thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51- BLHS là tình tiết thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả; bị cáo là dân tộc thiểu số, sống tại vùng biên giới đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, thấy rằng không cần thiết buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, nên áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 - BLHS năm 2015 đối với các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000,đ đến 50.000.000,đ”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Ông Nguyễn Văn Đ là người được bị cáo Thạch thuê chở 03 (Ba) hộp xốp, bên trong có chứa 21,2kg (*Hai mươi mốt phẩy hai kilôgam*) pháo nổ, Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ được ông Đ không biết bên trong đó là pháo, do đó không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với ông Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định trả tự do cho ông Đ cùng với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Gate, biển kiểm soát 23T - 3509. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang là đúng luật nên chấp nhận.

[7]. Đối với chị Trương Thị Mỹ H (vợ của bị cáo Th), chị H nói với Th gửi trái cây (*gồm táo và cam*) về địa chỉ tại cây xăng Nhà nước huyện C (*thuộc tỉnh Đắk Nông*). Chị H không biết Th gửi kèm theo táo là pháo nổ và Th cũng không nói cho chị H biết, do vậy không đủ căn cứ để xử lý.

[8]. Đối với xe xe mô tô nhãn hiệu DREAM, biển kiểm soát 23H9 - 1374, Cơ quan điều tra xác định được là của Phan Văn L (*là bố đẻ của T*) khi Tàng lấy xe đi mua pháo, ông L không biết. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã trả lại chiếc xe máy cho ông L là đúng luật nên chấp nhận.

[9]. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Trường Giang, loại xe tải chở hàng, biển kiểm soát 23C - 047.88 Cơ quan điều tra xác định được là của ông Phan Văn X (*là chú họ của T*) đã cho T mượn để chở vật liệu xây dựng. Ông X không biết T dùng để chở pháo, do vậy không đủ căn cứ để xử lý, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã trả lại chiếc xe máy cho ông X là đúng luật nên chấp nhận.

[10]. Người đàn ông đã bán pháo cho bị cáo Phan Mí T, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[11]. Về vật chứng vụ án:

- 01 (*một*) hộp bìa catton có kích thước 51 x 51 x 41 cm, bên trong có các hộp pháo, ký hiệu A, niêm phong theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8 nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/02/2012 của chính phủ, quy định trình tự thủ tục thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân

loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ tư pháp; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giao cho Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang xử lý theo thẩm quyền.

- 03 (Ba) thùng xốp màu trắng, đã qua sử dụng; 03 (Ba) mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, trên bề mặt có nhiều chữ và số, đã qua sử dụng; 05 (Năm) tờ giấy dòng kẻ ngang, một mặt nhiều chữ viết và số, đã qua sử dụng (*là các mẫu so sánh chữ viết của Lê Văn Th*). Là số phương tiện bị cáo Th sử dụng vào việc vận chuyển pháo không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO của Phan Mí T, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG của Lê Văn Th, vỏ màu vàng, không kiểm tra tình trạng chất lượng bên trong. Đây là nhưng phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8]. Bị cáo Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Th, Phan Mí T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

- Hình phạt:

+ Căn cứ vào Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn Th 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 (*Bốn mươi bốn*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/3/2020.

Giao bị cáo Lê Văn Th cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Căn cứ vào Điều 319- BLTTHS; Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

(sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Mí T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/3/2020.

Giao bị cáo Phan Mí T cho Ủy ban nhân dân xã Thắng M, huyện Y tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã Thắng M, huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 8 nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/02/2012 của chính phủ, quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ tư pháp;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp bìa cattong có kích thước 51 x 51 x 41 cm, bên trong có các hộp pháo, ký hiệu A, niêm phong theo quy định của pháp luật. Giao cho Cơ quan Công an thành phố H xử lý theo thẩm quyền.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) thùng xốp màu trắng, đã qua sử dụng; 03 (Ba) mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, trên bề mặt có nhiều chữ và số; 05 (Năm) tờ giấy dòng kẻ ngang, một mặt nhiều chữ viết và số.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO vỏ màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, điện thoại đã cũ qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy.

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 25/02/2020.

- Về án phí:

+ Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn Th phải chịu 200.000 đ, án phí hình sự sơ thẩm.

+ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Phan Mí T.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H;
- Công an TP.Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Thắng M. H Y, T. HG
- UBND phường Q, TPHG.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình